TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2019/DS-ST.
Ngày: 29-11-2019.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N và P Việt Nam (A).

Địa chỉ: Số 02 LH, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N và P Việt Nam chi nhánh huyện HĐ, tỉnh Quảng Nam. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Khối phố AT, thị trấn TA, huyện HĐ, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1985. *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Minh L, sinh năm 1980. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn TA, xã HT, huyện HĐ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông T trình bày:

Ngày 09/07/2018, anh L ủy quyền cho vợ là chị L vay vốn của Ngân hàng N và P Việt Nam chi nhánh huyện HĐ (sau đây viết là ngân hàng). Đến ngày 11/7/2018, chị L với ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 4214LAV201800770 để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/07/2019, lãi suất: 9%/năm, lãi suất quá hạn 13.5%/năm, mục đích vay: Thu mua gỗ nguyên liệu. Để đảm bảo cho khoản vay trên, chị L và anh L ký kết với ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18.0907-HT/HĐTC, thế chấp thửa đất số 296a, tờ bản đồ số 04, diện tích 340 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Thuận An), xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 800084 do UBND huyện Hiệp Đức cấp ngày 19/6/2015. Ngày 11/7/2018, ngân hàng đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng và chị L đã nhận đủ số tiền trên. Đến thời hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc chị L, anh L trả nợ theo đúng cam kết nhưng không có kết quả.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị L, anh L có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay tính đến ngày 29/11/2019 là 219.306.849 đồng, trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 19.306.849 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên. Trường hợp chị L, anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh L trình bày: Ngày 09/07/2018, anh ủy quyền cho vợ là chị L vay của ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, anh và chị L đã ký kết với ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18.0907-HT/HĐTC ngày 09/07/2018, thế chấp thửa đất số 296a, tờ bản đồ số 04, diện tích 340 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 800084 do UBND huyện Hiệp Đức cấp ngày 19/6/2015. Nay ngân hàng yêu cầu anh và chị L trả nợ thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 226, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của chị L tại tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện Q S, tỉnh Quảng Nam. Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản: Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa chị L, anh L với ngân hàng là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp đã thực hiện thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/07/2018, anh L ủy quyền cho chị L vay vốn của ngân hàng. Việc ủy quyền được lập thành văn bản và được UBND xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức chứng thực nên việc ủy quyền trên là hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện: Theo Hợp đồng tín dụng số 4214LAV201800770 ngày 11/7/2018 thì ngân hàng cho chị L, anh L vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày: 11/07/2019, lãi suất: 9%/năm, lãi suất quá hạn 13.5%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc và nợ lãi là theo quý vào ngày 11. Ngày 11/7/2018, chị L đã nhận đủ số tiền ngân hàng giải ngân là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay chị L, anh L đã không trả nợ gốc và nợ lãi

theo cam kết trên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng không có kết quả.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị L, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, hợp đồng tín dụng đã quá hạn. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị L, anh L trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc chị L, anh L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 219.306.849 đồng, trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 19.306.849 đồng; chị L, anh L tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên; nếu chị L, anh L không thanh toán số nợ trên thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L, anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và P Việt Nam về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Ngô Minh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N và P Việt Nam tổng số tiền là 219.306.849 *(hai trăm mười chín triệu ba trăm không sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín)* đồng, trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 19.306.849 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp chị L, anh L không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng N và P Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất có diện tích 340 m^2, thửa số 296a, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 xây kiên cố, tổng diện tích sử dụng là 61.4 m^2, diện tích xây dựng là 61.4 m^2, số tầng: 01 tầng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 800084, số vào sổ cấp GCN:

CH 00007 do UBND huyện Hiệp Đức cấp ngày 19/6/2015; địa chỉ thửa đất tại thôn 3 (nay là thôn Thuận An), xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Ngô Minh L phải chịu là 10.965.342 *(mười triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai)* đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N và P Việt Nam chi nhánh huyện HĐ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.323.630 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007106 ngày 21 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-11-2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ